



A. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. Thứ tự thực hiện các phép tính

- Biểu thức không có dấu ngoặc**

- +) Nếu chỉ có phép cộng, trừ hoặc chỉ có phép nhân, chia, ta thực hiện theo thứ tự từ trái sang phải.
- +) Thực hiện theo thứ tự: Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân, chia $\rightarrow$ Cộng, trừ.

- Biểu thức có dấu ngoặc:** trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau: $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$.

2. Quan hệ chia hết

- Tính chất chia hết:** Cho $a, b, c, m \in \mathbb{N}, m \neq 0$:

- +) Nếu $a:m$ và $b:m$ thì $(a+b):m; (a-b):m; (a \geq b)$.
- +) Nếu $a:m, b:m$ và $c:m$ thì $(a+b+c):m$.
- +) Nếu $a:m$ và $b \nmid m$ thì $(a+b) \nmid m; (a-b) \nmid m; (a > b)$.
- +) Nếu $a:m, b:m$ và $c \nmid m$ thì $(a+b+c) \nmid m$.
- +) Nếu $a:m$ thì $ab:m$.

- Ước và bội**

- +) Số tự nhiên a chia hết cho số tự nhiên b thì ta nói a là bội của b , còn b là ước của a .
- +) Tập hợp ước của a kí hiệu là: $U(a)$, tập hợp các bội của b kí hiệu: $B(b)$.

- Cách tìm ước và bội của một số tự nhiên**

- +) Muốn tìm ước của số tự nhiên a , ta chia a cho các số tự nhiên từ 1 đến a , a chia hết cho số nào thì số đó là ước của a .

Lưu ý: $a = b.q \Rightarrow b, q \in U(a)$ (b, q là số tự nhiên)

- +) Muốn tìm bội của một số tự nhiên b khác 0, ta nhân b lần lượt với 0; 1; 2 ...

$$B(b) = \{bk \mid k \in \mathbb{N}\}.$$

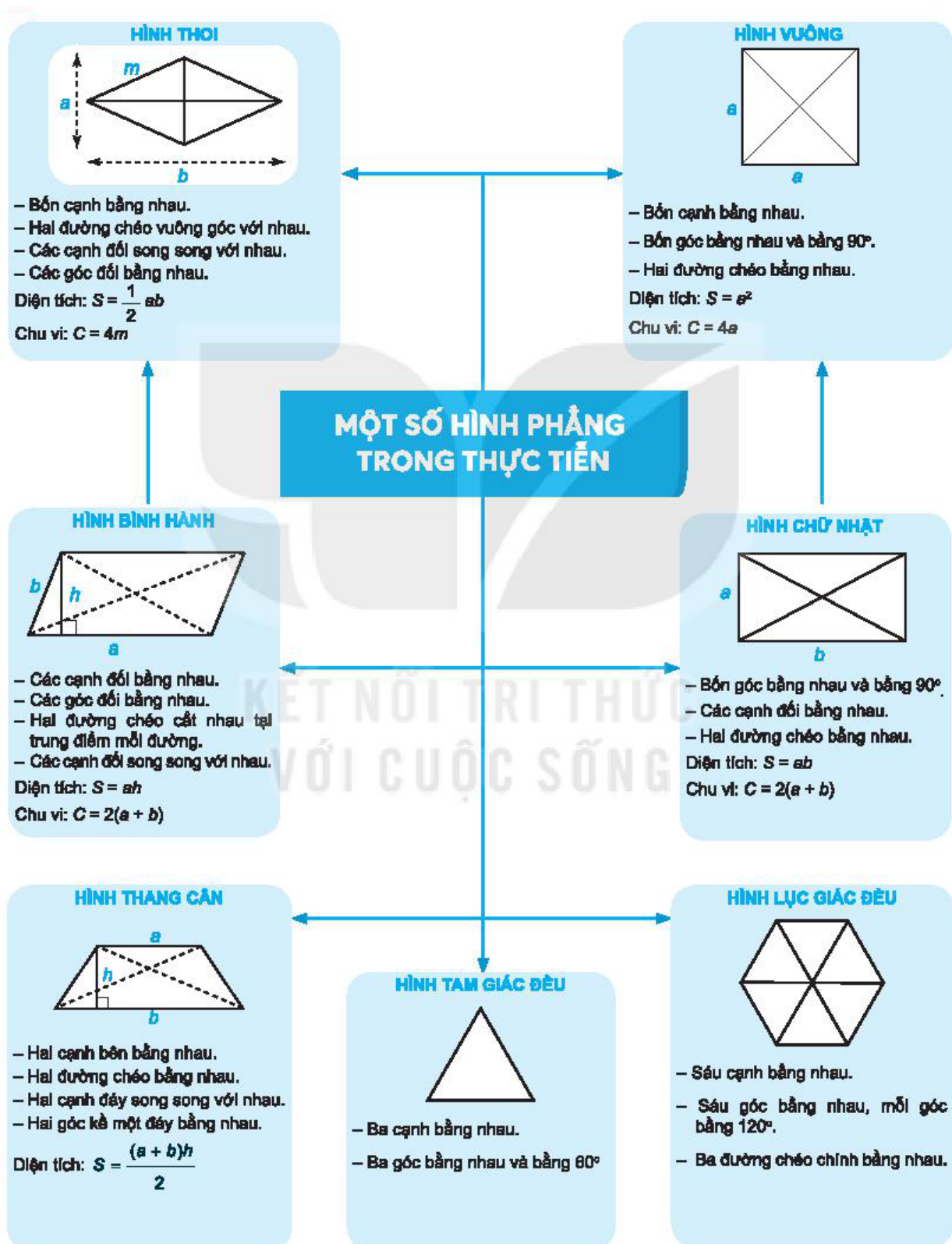
- Chú ý**

- +) Mọi số tự nhiên đều có ước là 1.
- +) Số 0 là bội của mọi số tự nhiên khác 0, không là ước của số nào cả.

3. Các dấu hiệu chia hết

- Dấu hiệu chia hết cho 2: $\overline{...}:2 \Leftrightarrow * \in \{0;2;4;6;8\}; \overline{...}:2 \text{ dư } m \Leftrightarrow *:2 \text{ dư } m$.
- Dấu hiệu chia hết cho 5: $\overline{...}:5 \Leftrightarrow * \in \{0;5\}; \overline{...}:5 \text{ dư } n \Leftrightarrow *:5 \text{ dư } n$.
- Dấu hiệu chia hết cho 3: $a:3 \Leftrightarrow$ tổng các chữ số của a chia hết cho 3.
 $a:3 \text{ dư } m \Leftrightarrow$ tổng các chữ số của a chia 3 dư m .
- Dấu hiệu chia hết cho 9: $a:9 \Leftrightarrow$ tổng các chữ số của a chia hết cho 9.
 $a:9 \text{ dư } n \Leftrightarrow$ tổng các chữ số của a chia 9 dư n .
- **Lưu ý:** một số tự nhiên chia hết cho 9 thì số đó chia hết cho 3.

4. Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân



B. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Phần số học: Chọn đáp án đúng cho mỗi câu sau:

Câu 1. Thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức không chứa dấu ngoặc là:

- A. Lũy thừa $\rightarrow$ cộng, trừ $\rightarrow$ nhân, chia C. Nhân, chia $\rightarrow$ cộng, trừ $\rightarrow$ lũy thừa
 B. Lũy thừa $\rightarrow$ nhân, chia $\rightarrow$ cộng, trừ D. Cộng, trừ $\rightarrow$ lũy thừa $\rightarrow$ nhân, chia

Câu 2. Kết quả của phép tính $28 - 4.3$ là:

- A. 72 B. 10 C. 16 D. 40

Câu 3. Giá trị của biểu thức $100 - 50 : 2 + 10^0$ là:

- A. 76 B. 26 C. 74 D. 85

Câu 4. Thực hiện phép tính $(2^9 \cdot 16 + 2^9 \cdot 34) : 2^{10}$ ta được kết quả là:

- A. 2 B. 10 C. 25 D. 50

Câu 5. Số tự nhiên có 6 chữ số $\overline{abcabc}$ luôn chia hết cho:

- A. 12. B. 14. C. 13. D. 8.

Câu 6. Chọn câu đúng trong các câu sau:

- A. Số 10^{100} chia hết cho 2; 5; 10.
 B. Các số có dạng $2.k$ với $k \in \mathbb{N}$ chỉ chia hết cho 2.
 C. Các số có dạng $\overline{a0}$ chỉ chia hết cho 5, không chia hết cho 2.
 D. Các số chia hết cho cả 2 và 5 thì chia hết cho 10^2 .

Câu 7. Trong các số sau, số nào là số nguyên tố: 2; 4; 13; 19; 25; 31

- A. 2; 4; 13; 19; 31 C. 4; 13; 19; 25; 31
 B. 2; 13; 19; 31 D. 2; 4; 13; 19

Câu 8. Khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Số 2 là số nguyên tố bé nhất.
 B. Mọi số nguyên tố đều là số lẻ.
 C. Hợp số là số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn 2 ước.
 D. Có 2 số tự nhiên liên tiếp là số nguyên tố.

Câu 9. Khẳng định nào sau đây là sai:

- A. Số 1230 chia hết cho 2; 3 và 5.
 B. Số 1230 chia hết cho 2; 5 và 9.
 C. Số 1230 không chia hết cho 9.
 D. Số 1230 là hợp số.

Câu 10. Khẳng định nào sau đây là sai?

- A. Số 0 và số 1 không phải là số nguyên tố cũng không phải là hợp số.
 B. Cho số tự nhiên $a > 1$, a có 2 ước thì a là hợp số.
 C. Số 2 là số nguyên tố chẵn duy nhất.

D. Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1 mà chỉ có hai ước 1 và chính nó.

Câu 11. Kết quả của phép tính nào sau đây không chia hết cho 3?

A. $15 - 5 + 3$

B. $7.3 + 120$

C. $14.123 : 2$

D. $6.4 - 12.2$

Câu 12. Tìm số nguyên tố trong các số sau là:

A. 7

B. 4

C. 6

D. 9

Câu 13. Cho các số 21; 71; 77; 101. Chọn phát biểu đúng trong các phát biểu sau?

A. Số 21 là hợp số, các số còn lại là số nguyên tố.

B. Có hai số nguyên tố và hai số là hợp số trong các số trên.

C. Chỉ có một số nguyên tố, còn lại là hợp số.

D. Không có số nguyên tố nào trong các số trên

Câu 14. Cho một chiếc cân đĩa và một số quả cân. Đặt lên đĩa cân bên trái các quả cân 1kg; 3kg và 10kg.

Đặt lên đĩa cân còn lại các quả cân 5kg; 7kg và 1kg.



Sau khi đặt các quả cân, trạng thái của cân như thế nào?

A. Cân thăng bằng

B. Cân nghiêng sang trái

C. Cân nghiêng sang phải

Câu 15. Một nhà máy có 10 phân xưởng, họ cần thay mới tất cả điều hòa và lắp thêm mỗi phân xưởng 1 chiếc mới. Hiện tại mỗi phân xưởng có 3 điều hòa.

Số tiền nhà máy cần thanh toán là bao nhiêu biết giá mỗi điều hòa là mười hai triệu đồng? (*Chi phí lắp đặt, vận chuyển được miễn phí*)

A. 480 triệu đồng

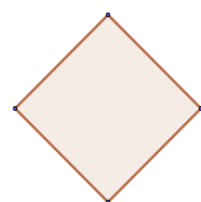
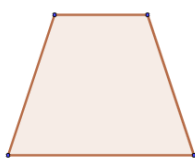
C. 360 triệu đồng

B. 240 triệu đồng

D. 120 triệu đồng

Phần hình học: Chọn đáp án đúng cho mỗi câu sau:

Câu 1. Hãy liệt kê tên của các hình sau theo thứ tự từ trái sang phải:

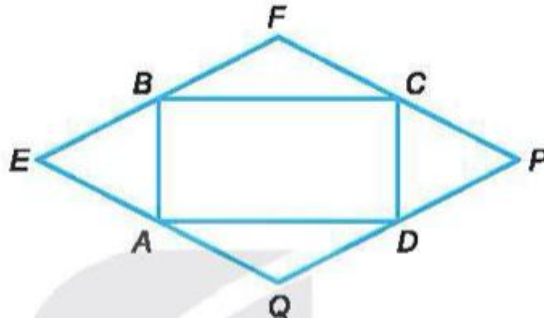


- A. Hình thang, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi.
 B. Hình chữ nhật, hình thang cân, hình thoi, hình bình hành.
 C. Hình thang cân, hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi.
 D. Hình thang cân, hình vuông, hình thoi, hình bình hành.

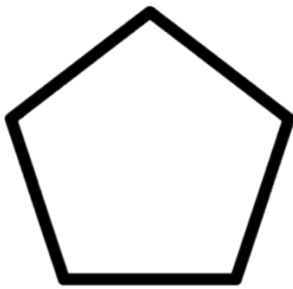
Câu 2. Đáp án nào sau đây **đúng**:

Trong hình vẽ dưới đây có:

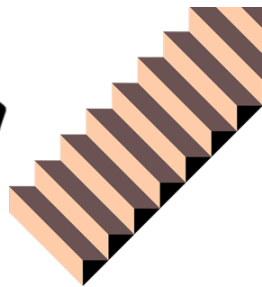
- A. Hai tam giác đều
 B. Bốn tam giác đều
 C. Hai hình chữ nhật.
 D. Hai hình thoi.



Câu 3. Trong hình dưới đây, hình nào có hình ảnh của hình bình hành?



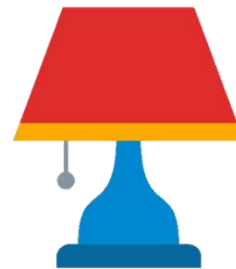
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

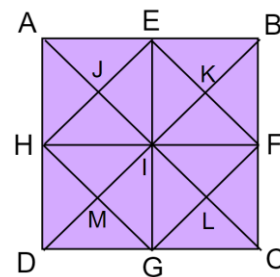
A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 4. Có bao nhiêu hình thang cân **không** có góc vuông trong hình vẽ sau:



A. 2

B. 4

C. 6

D. 8

C. BÀI TẬP TỰ LUẬN

Bài 1. Thực hiện phép tính một cách hợp lý nếu có thể:

1) $135 + 360 + 65 + 24 + 40$

4) $467 + 238 + 533 + 762 + 3465$

2) $8 \cdot 4 \cdot 34 \cdot 125 \cdot 25$

5) $129 \cdot 172 - 73 \cdot 129 + 129$

3) $5 \cdot 2^3 - 18 : 3^2$

6) $205 - \left[1200 - (4^2 - 2 \cdot 3)^3 \right] : 40$

Bài 2. Tìm số tự nhiên x , biết:

- | | | |
|----------------------------|-----------------------------|------------------------------------|
| 1) $427 - (x + 100) = 227$ | 4) $23 \cdot (42 - x) = 23$ | 7) $440 + 2 \cdot (125 - x) = 546$ |
| 2) $6x - 5 = 613$ | 5) $x - 36 : 18 = 12$ | 8) $846 : [41 - (7x - 5)] = 47$ |
| 3) $3^x = 9$ | 6) $5 \cdot 5^x = 625$ | 9) $(4x - 1)^2 = 25 \cdot 9$ |

Bài 3. Tìm các số tự nhiên x sao cho:

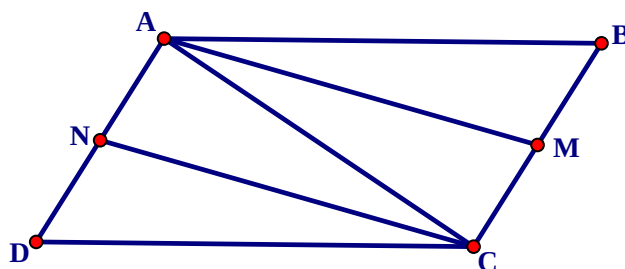
- | | |
|--------------------------------|---|
| 1) $x \in B(9)$ và $x < 40$. | 3) $x \in B(18)$ và $20 \leq x \leq 60$. |
| 2) $x \in U(30)$ và $x > 10$. | 4) 30 chia hết cho x và x không nhỏ hơn 15. |

Bài 4. Tìm các chữ số x và y sao cho:

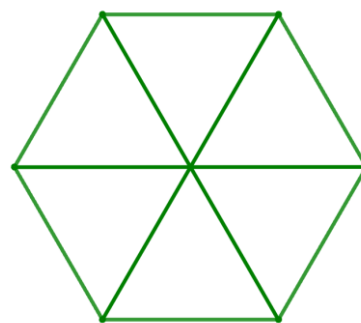
- | | |
|--------------------------------------|--|
| 1) $\overline{199x}$ chia hết cho 2. | 4) $\overline{27*4}$ chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9. |
| 2) $\overline{16x5}$ chia hết cho 5. | 5) Số $\overline{28xy}$ chia hết cho 2; 5 và 9. |
| 3) Số $\overline{26x3y} : 5; : 9$. | 6) Số $\overline{x459y}$ chia hết cho 5 và chia 3 dư 1. |
| | 7) Số $\overline{x459y}$ chia cho 2, 5 và 9 đều dư 1. |

Bài 5.

- 1) Kể tên các hình bình hành, các cặp đoạn thẳng song song và bằng nhau vẽ trong hình vẽ bên.



- 2) Trong hình vẽ bên, có bao nhiêu hình thang cân, hình thoi, hình tam giác đều.

**Bài 6.**

- Trên một chiếc xe buýt hiện tại đang có 45 hành khách. Tại bến Núi Trúc có 17 hành khách xuống và 24 hành khách lên. Hỏi ngay sau bến Núi Trúc trên xe buýt có bao nhiêu người?
- Khẩu phần ăn nhẹ bữa chiều của các bé mẫu giáo là một cái bánh. Nếu trường có 537 cháu thì phải mở bao nhiêu hộp bánh, biết rằng mỗi hộp có 16 chiếc bánh.
- Một quyển vở 200 trang giá 17 nghìn đồng. Bạn Minh có 400 nghìn đồng. Hỏi Minh có thể mua được nhiều nhất bao nhiêu quyển vở loại này?

Chúc con ôn tập tốt và làm bài đạt kết quả cao!

ĐỀ THAM KHẢO

TRƯỜNG THCS GIẢNG VỖ



ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I MÔN TOÁN 6

NĂM HỌC 2021 – 2022

(Thời gian làm bài: 45 phút)

ĐỀ BÀI

Câu 1. Thứ tự thực hiện phép tính đối với biểu thức có chứa dấu ngoặc:

A. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$

C. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$

B. $[] \rightarrow \{ \} \rightarrow ()$

D. $\{ \} \rightarrow () \rightarrow []$

Câu 2. Kết quả của phép tính $1^2 + 2^2$ là:

A. 5

B. 6

C. 8

D. 9

Câu 3. Kết quả của phép tính $3 - 3 : 3 + 3$ là:

A. 3

B. 4

C. 5

D. 6

Câu 4. Cho $90 + (200 - x) = 160$ khi đó x có giá trị bằng:

A. 13

B. 130

C. 450

D. 250

Câu 5. Tìm số tự nhiên x , biết : $25 + 5x = 5^6 : 5^3$

A. 0

B. 15

C. 20

D. 25

Câu 6. Kết quả của phép tính $60 - [120 - (42 - 33)^2]$ là:

A. 18

B. 19

C. 20

D. 21

Câu 7. Xét trên tập hợp $\mathbb{N}$, trong các số sau số nào là một bội của 14?

A. 48

B. 28

C. 36

D. 7

Câu 8. Chọn đáp án đúng: số $\overline{a7}$

A. Chia cho 5 dư 2.

C. Chia cho 5 dư 1.

B. Chia cho 5 dư 7.

D. Chia hết cho 5.

Câu 9. Khẳng định nào sau đây đúng?

A. $A = \{0; 1\}$ là tập hợp số nguyên tố

C. $A = \{3; 5\}$ là tập hợp số nguyên tố.

B. $A = \{1; 3; 5\}$ là tập hợp các hợp số.

D. $A = \{7; 8\}$ là tập hợp các hợp số.

Câu 10. Ba số tự nhiên lẻ liên tiếp đều là số nguyên tố là?

A. 1; 3; 5

C. 3; 5; 7

B. 5; 7; 9

D. 7; 9; 11

Câu 11. Gạo ST25 của Việt Nam được công nhận là một trong những loại gạo ngon nhất thế giới. Giá bán mỗi ki-lô-gam gạo ST25 là 35 000 đồng. Mẹ Nam mua 10 kg gạo ST25 tại đại lí. Để trả đủ tiền gạo, mẹ Nam cần trả bao nhiêu tờ tiền có mệnh giá 50 000 đồng?

- A. 7 tờ B. 10 tờ C. 35 tờ D. 5 tờ

Câu 12. Ngày 20-10-2010 rơi vào thứ tư. Ngày 20-10-2020 rơi vào ngày thứ mấy?

- A. Thứ bảy B. Chủ nhật C. Thứ hai D. Thứ ba

Câu 13. Đáp án nào sau đây **sai**:

Hình chữ nhật có:

- A. Bốn góc bằng nhau và bằng 90° . C. Hai đường chéo bằng nhau.
B. Hai đường chéo vuông góc với nhau. D. Các cạnh đối bằng nhau.

Câu 14. Đáp án nào sau đây **sai**:

Hình thoi có:

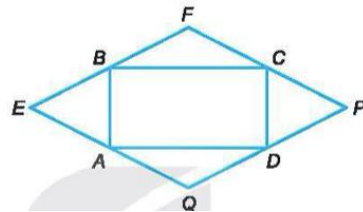
- A. Bốn cạnh bằng nhau. C. Hai đường chéo bằng nhau.
B. Các cạnh đối song song với nhau. D. Các góc đối bằng nhau.

Câu 15. Đáp án nào sau đây **đúng**:

Hình bình hành có:

- A. Các cạnh bằng nhau. C. Các đường chéo bằng nhau.
B. Bốn góc bằng nhau. D. Các cạnh đối song song với nhau.

Câu 16. Đáp án nào sau đây **sai**:



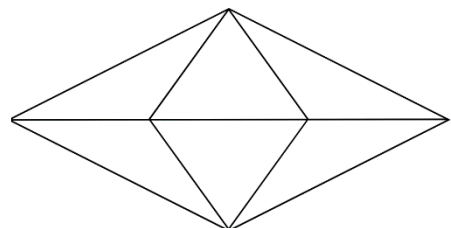
Hình thang cân có:

- A. Hai cạnh bên bằng nhau. C. Hai đường chéo bằng nhau.
B. Hai cạnh đáy song song D. Hai góc kề cạnh bên bằng nhau.

Câu 17. Cho hình vẽ sau, chọn khẳng định **đúng**:

- A. Hình chữ nhật ABDC. C. Hình thoi ABCD.
B. Hình vuông ABCD. D. Hình chữ nhật ABCD.

Câu 18. Có bao nhiêu hình thoi trong hình vẽ sau



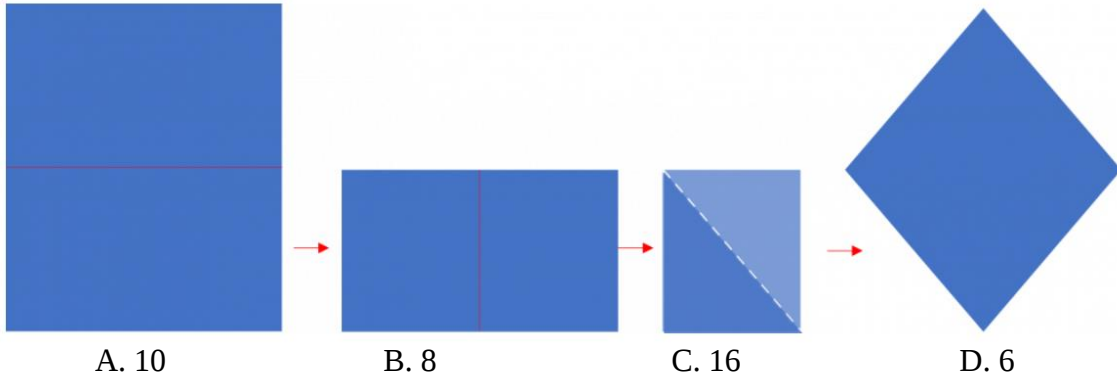
A. 0

B. 1

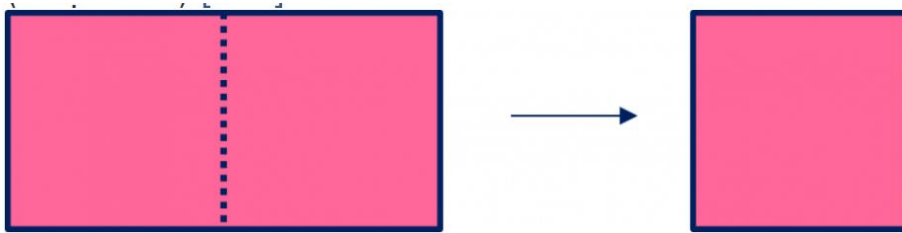
C. 2

D. 4

Câu 19. Bạn Minh gấp mảnh vải hình chữ nhật có các cạnh 12 cm và 16 cm và cắt theo đường kẻ phân trắng dài 10 cm như hình vẽ. Ta thu được một con điều hình thoi có độ dài cạnh bằng:



Câu 20. Gấp đôi một tờ giấy như hình vẽ dưới đây ta được hình vuông cạnh 7 cm. Tờ giấy ban đầu có các kích thước là:



A. 7 cm và 7 cm

B. 14 cm và 14 cm

C. 14 cm và 7 cm

D. 7 cm và 21 cm

Câu 21. Kết quả của số tự nhiên n để số $2n + 3$ chia hết cho $3n + 1$ là $n \in \{...\}$

Các con lưu ý: Mỗi câu 0,5 điểm; Câu 21 là câu thưởng điểm.

Chúc con ôn tập tốt và làm bài đạt kết quả cao!